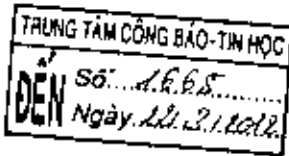


Số 07/2012/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH



Ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005; Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định trình tự thủ tục đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 134/TTr-SKH ngày 02/3/2012, kèm theo văn bản thẩm định của Sở Tư pháp số 155/BC-STP ngày 02/3/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/2007/QĐ-UBND ngày 12/7/2007 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở; Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Website Chính phủ;
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - T.Tr Tỉnh ủy, T.Tr HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
 - Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
 - HĐND huyện, thành phố, thị xã;
 - Chánh, PVP/UBND tỉnh;
 - Trung tâm Công báo - Tin học;
 - Các tổ chuyên viên VP/UB;
 - Lưu: VT, TM.
- Gửi: Văn bản giấy và Điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự

QUY ĐỊNH

Một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Các nhà đầu tư trong và ngoài nước có dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư.

2. Các Nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư vào Hà Tĩnh ngoài các ưu đãi được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước, còn được hưởng thêm các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh theo quy định tại Quyết định này.

3. Các dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh được hưởng các chính sách ưu đãi theo Quy định tại Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 24/4/2007 của UBND tỉnh và Quyết định số 26/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008.

4. Trường hợp dự án được hưởng các chính sách ưu đãi khác nhau tại các chính sách ưu đãi của tỉnh thì Nhà đầu tư được lựa chọn hình thức ưu đãi cao nhất theo quy định của UBND tỉnh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của Quy định này bao gồm các hoạt động đầu tư sau đây:

1. Đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (Theo danh mục quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn).

2. Đầu tư sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch.

3. Đầu tư trong lĩnh vực môi trường bao gồm: Thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải, chất thải, xử lý môi trường.

4. Đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hoá dân tộc.

5. Đầu tư xây dựng chợ loại I, Khu triển lãm.

6. Đầu tư sản xuất kinh doanh và sử dụng trên 50 lao động tại các khu tái định cư, các xã xây dựng nông thôn mới.

7. Đầu tư và phát triển các ngành nghề truyền thống.

8. Đầu tư xây dựng, kinh doanh vào các dự án quan trọng của tỉnh.

9. Dự án đầu tư vào các ngành nghề khác có quy mô đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên.

10. Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

11. Đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ đối với cơ sở sản xuất hiện có phù hợp với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên (thiết bị máy móc mới và phải đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường).

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư.

2. Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Hộ kinh doanh, cá nhân.

5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam.

6. Các cơ sở kinh tế, các doanh nghiệp của các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 4. Chính sách về đất đai

1. Khi có nhu cầu sử dụng đất vào mục đích đầu tư thì nhà đầu tư được Nhà nước tổ chức thu hồi và giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư đối với các trường hợp sau:

- Thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ).

- Thực hiện các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc danh mục lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt khuyến khích đầu tư (theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP của Chính phủ).

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch.

2. Ngoài các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể xem xét, hỗ trợ tổ chức thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với các dự án khác có nhu cầu bức thiết theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các trường hợp thu hồi đất quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này đều phải nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; quy hoạch điểm, tuyến công

ngành, nông nghiệp, thương mại dịch vụ; quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với dự án đầu tư của nhà đầu tư khi Nhà nước thu hồi đất để giao đất hoặc cho thuê đất được áp dụng theo quy định hiện hành. Trường hợp nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được ngân sách nhà nước hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp và được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ về san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật

1. Hỗ trợ san lấp mặt bằng đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh có vốn đầu tư từ 30 tỷ đồng trở lên, đầu tư trong các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa được đầu tư nhưng đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết:

Nếu Nhà đầu tư tự bỏ vốn để san lấp mặt bằng; sau khi hoàn thành, căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu, thanh quyết toán, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí san lấp mặt bằng cho Nhà đầu tư nhưng tối đa không quá theo các mức sau:

- Đến 500 triệu đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư từ 30 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng.

- Đến 01 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư từ trên 50 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng.

- Đến 02 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư từ trên 200 tỷ đồng đến 300 tỷ đồng.

- Đến 03 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

2.1. Khuyến khích nhà đầu tư tự bỏ vốn thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng. Kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng sẽ được khấu trừ vào tiền giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Trên cơ sở hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu, thanh quyết toán, tỉnh hỗ trợ sau đầu tư chi phí san lấp mặt bằng cho nhà đầu tư với các mức hỗ trợ như sau:

- 03 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có giá trị san lấp từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng.

- 05 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có giá trị san lấp từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng.

- 10 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có giá trị san lấp từ 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng.

- 15 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có giá trị san lấp trên 200 tỷ đồng.

3. Đối với các dự án đầu tư ngoài các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

3.1. Bồi thường giải phóng mặt bằng

Khuyến khích nhà đầu tư tự bỏ vốn thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng. Kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng sẽ được khấu trừ vào tiền giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

3.2. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật ngoài hàng rào dự án:

- Về giao thông: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí làm đường giao thông từ trục đường chính đến hàng rào của dự án theo thiết kế, dự toán và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng.

- Về đường nước: Đối với đường nước đến chân hàng rào của dự án, UBND tỉnh xem xét cụ thể quyết định đầu tư, hỗ trợ đầu tư hoặc đề nghị công ty cấp nước Hà Tĩnh đầu tư cho từng dự án cụ thể.

Khuyến khích các nhà đầu tư tự bỏ vốn để xây dựng, sau khi dự án đi vào hoạt động, căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu, thanh quyết toán, tỉnh sẽ hỗ trợ kinh phí cho nhà đầu tư.

3.3. Hỗ trợ san lấp mặt bằng, rà phá bom mìn:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí san lấp mặt bằng, rà phá bom mìn theo thiết kế, dự toán và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá các mức sau.

- Đến 500 triệu đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư dưới 30 tỷ đồng.
- Đến 01 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư từ 30 đến 50 tỷ đồng.
- Đến 02 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư trên 50 đến 200 tỷ đồng.
- Đến 03 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư trên 200 đến 300 tỷ đồng.
- 04 tỷ đồng cho các dự án có tổng vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng.

Nhà đầu tư phải tự bỏ kinh phí để thực hiện, tỉnh sẽ hoàn trả sau khi dự án đi vào hoạt động và được nghiệm thu thanh quyết toán.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ khác

1. Hỗ trợ đối với việc đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ đối với cơ sở sản xuất hiện có, nhưng phải phù hợp với ngành nghề và lĩnh vực khuyến khích ưu đãi đầu tư tại Điều 2:

Chỉ thực hiện đối với việc trang bị thiết bị máy móc mới, đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường và có giá trị đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên; mức hỗ trợ từ 5 đến 10% giá trị đầu tư được thực hiện nhưng tối đa không quá 5 tỷ đồng. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, sở chuyên ngành và các cơ quan liên quan tham mưu đề xuất đối với từng trường hợp cụ thể.

2. Hỗ trợ về đào tạo

UBND tỉnh khuyến khích các nhà đầu tư tiếp nhận lao động địa phương đã qua đào tạo tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh. Trường hợp lao động địa phương đã được tiếp nhận nhưng chưa qua đào tạo hoặc chuyên ngành đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu, cần đào tạo và đào tạo lại tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh thì được hỗ trợ kinh phí như sau:

- Những dự án đầu tư thường xuyên sử dụng trên 100 lao động (có hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động) được hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/khoá.

- Những dự án đầu tư thường xuyên từ 50 đến 100 lao động (có hợp đồng lao động và BHXH) được hỗ trợ 50% kinh phí nhưng tối đa không quá 500.000 đồng/người/khoá.

Nguồn hỗ trợ được cấp từ nguồn kinh phí đào tạo hàng năm của tỉnh và được hỗ trợ thông qua các cơ sở dạy nghề của tỉnh.

3. Hỗ trợ khoa học công nghệ

- Duyệt Quỹ khoa học và công nghệ tỉnh hỗ trợ 30% kinh phí thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án hoặc phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện.

- Cho vay tối đa 20% tổng vốn đầu tư của dự án với lãi suất ưu đãi đối với các dự án sản xuất thử nghiệm ứng dụng kết quả nghiên cứu nhằm hoàn thiện công nghệ hoặc tạo ra sản phẩm thay thế nhập khẩu và các dự án chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Hỗ trợ một phần chi phí xây dựng hồ sơ và làm thủ tục đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp, cụ thể như sau:

+ Đăng ký bảo hộ độc quyền sáng chế: 05 triệu đồng/sáng chế.

+ Đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: 03 triệu đồng/kiểu dáng công nghiệp.

+ Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu: 02 triệu đồng/nhãn hiệu.

+ Hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm hàng hoá đặc sản và hàng hoá xuất khẩu: 15 triệu đồng/sản phẩm.

+ Hỗ trợ 50% chi phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu quốc tế, mức tối đa không quá 15 triệu đồng/nhãn hiệu.

Nguồn hỗ trợ được trích từ nguồn sự nghiệp khoa học hàng năm và từ Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh.

4. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

UBND tỉnh tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư được tiếp cận và vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh. Tùy theo tính chất, quy mô của từng dự án và tình hình thực tế, UBND tỉnh sẽ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho dự án theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc bố trí nguồn vốn để hỗ trợ, ưu đãi cho các nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư cho các nhà đầu tư được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong việc đề xuất chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và xét ưu đãi đầu tư trình UBND tỉnh quyết định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý đầu tư theo phân cấp của UBND tỉnh và theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách này trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm (ngoài nguồn vốn đầu tư XDCB).

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu phân bổ kinh phí thực hiện chính sách, đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, đồng thời hướng dẫn quy trình, hồ sơ, thủ tục hỗ trợ, cấp phát, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách này theo đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc xét hỗ trợ đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực tài chính.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan trong việc xây dựng chính sách và hướng dẫn thực hiện các quy định về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, quản lý tài nguyên và môi trường liên quan đến hoạt động đầu tư, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai, đảm bảo thuận lợi cho nhà đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong lĩnh vực đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, tăng cường giám sát đối với cấp huyện và cấp xã về các hoạt động của ngành liên quan đến hoạt động đầu tư.

4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định các thủ tục có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo lao động, dạy nghề.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan hướng dẫn xây dựng hồ sơ xét hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo tài chính trình UBND tỉnh bổ sung ngân sách hàng năm cho Quỹ phát triển khoa học và Công nghệ của tỉnh.

6. Các sở, ngành khác: Có trách nhiệm giải quyết nhanh các thủ tục hành chính liên quan đến nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị mình, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án.

7. UBND huyện, thành phố, thị xã

- Giải quyết yêu cầu của các sở, ngành và kiến nghị của chủ đầu tư có liên quan đến dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn.

- Quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn; phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan kiểm tra, nắm tình hình và báo cáo kết quả triển khai thực hiện dự án trên địa bàn.

- Phối hợp với nhà đầu tư và các ngành liên quan tiến hành các thủ tục về bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ dự án.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Chế độ khen thưởng, kỷ luật

Tổ chức và cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của Quy định này được khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Ngược lại, nếu có hành vi sách nhiễu, gây phiền hà cho các nhà đầu tư thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại vật chất thì phải chịu trách nhiệm bồi thường phần thiệt hại đã gây ra.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, phổ biến và kiểm tra đôn đốc thực hiện Quy định này. Định kỳ 6 tháng 01 lần, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện sơ kết và báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện và những vấn đề mới phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

